

HÀ NỘI THỜI TIỀN - SƠ SỬ

TRÌNH NĂNG CHUNG*

Nhờ vào những bằng chứng khảo cổ học, chúng ta được biết lịch sử Hà Nội bắt đầu từ những bước chân đầu tiên của con người thời đại đá cũ trên những vùng đất cao, đồi gò nằm về phía tây bắc Hà Nội.

Từ thành tựu của khoa học địa chất, chúng ta đã biết được tác động của tự nhiên, nhất là quá trình biến tiến, biến thoái ở giai đoạn cuối Pleistocene- giữa Holocen tác động đến cuộc sống người Hà Nội xưa ra sao, ví như khi biến tiến dâng cao, con người rút vào cư trú trong hang động, núi cao. Sau thời kỳ vịnh biển cách nay khoảng 3500 năm, Hà Nội khô ráo dần, các cư dân hậu kỳ đá mới- sơ kỳ kim khí từ vùng đất cao, men theo các triền sông xuống khai khẩn vùng đất mới Hà Nội. Các cộng đồng làm nông nghiệp lúa nước, phát triển nhanh kinh tế sản xuất, tạo một diện mạo văn hoá mới cho vùng đất Hà Nội xưa.

1. Những dấu tích văn hoá nguyên thủy đá cũ- Văn hoá Sơn Vi

Những dấu tích văn hoá nguyên thủy thời đá cũ được phát hiện khá sớm ở Hà Nội. Năm 1972, thầy và trò Khoa Sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội) đã phát hiện những dấu tích văn hoá Sơn Vi trên vùng đồi huyện Ba Vì (9; 10).

Ba Vì là vùng đồng bằng xen kẽ đồi gò, được tạo lập bởi sự xâm thực chia cắt các thềm đá gốc và thềm phù sa cổ sông Hồng và sông Đà. Các đồi gò ở đây khá giống nhau, thường cao từ 10m đến 30m, đỉnh bằng, sườn dốc thoải. Các nhà địa chất mách bảo chúng ta rằng, đây chính là dấu tích của loạt thềm bậc II sông Hồng và sông Đà. Phía trên là lớp phù sa bị laterit hoá mạnh, tạo thành lớp sạn cứng, đôi chỗ đã tạo thành đá ong, phía dưới là đất đỏ lẫn nhiều sỏi vụn. Nhìn chung, địa hình miền này có nhiều nét tương tự địa hình huyện Lâm Thao (Phú Thọ), tuy nhiên cũng dễ dàng nhận thấy đồi gò Ba Vì thấp hơn đồi gò Phú Thọ. Chính trên bề mặt các đồi gò này, ở Đồi Cạn, thuộc xã Thái Hoà, Gò A (còn gọi là Núi Quang) thuộc xã Cổ Đô, Xóm Liên thuộc xã Minh Quang và Gò Chùa xã Vạn Thắng, các nhà khảo cổ đã phát hiện những di tích, di vật Sơn Vi đầu tiên trên đất Hà Nội.

Cho đến nay, ở Ba Vì đã phát hiện được 81 di vật thời đá cũ. Các di vật này nằm rải rác trên những đồi gò, hoặc tập trung ở quanh khu vực chợ Nhông (xã Thái Hoà), nơi có thể coi là trung tâm cư trú nguyên thủy.

* PGS.TS. Viện Khảo cổ học.

Những công cụ được chế tác từ các hòn cuội sông mà cư dân Hà Nội xưa ở vùng Ba Vì làm ra là những công cụ sắc bén, dùng để chặt cây, nạo da thú, đập hạt cây... Cũng có khi đây lại là những vũ khí lợi hại để tự bảo vệ mình, chống lại thú dữ hoặc để phục vụ cho công việc săn, bắt thú rừng thường ngày.

Nghiên cứu bộ sưu tập Ba Vì cho thấy, tổ hợp công cụ cuội ở đây phản ánh những đặc trưng cơ bản của văn hoá Sơn Vi, bao gồm những loại hình Sơn Vi điển hình như: công cụ rìu lưỡi dọc hình mũi buri, công cụ rìu ngang, công cụ mũi nhọn v.v... Tất cả công cụ cuội đều ghè một mặt, không thấy công cụ ghè hai mặt. Kỹ thuật chủ đạo là ghè một lớp, nương theo rìa cuội tự nhiên, giữ lại phần lớn vỏ cuội tự nhiên. Không tìm thấy đồ đá mài và đồ gốm kèm theo.

Ở vùng đất liền kề, đối diện bên kia sông Đà, sông Hồng là vùng đất Lâm Thao, Tam Nông, Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ, các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện được hàng chục di tích của cư dân nguyên thủy - chủ nhân của văn hoá Sơn Vi cũng tương tự như những di tích tìm thấy trên đất Ba Vì. Các kết quả nghiên cứu cho thấy Sơn Vi là một văn hoá nguyên thủy tiêu biểu, thuộc hậu kỳ đá cũ, có niên đại từ 30.000 năm đến 11.000 năm tính đến nay(2).

Căn cứ vào phạm vi phân bố, chất liệu và đặc biệt là kỹ thuật chế tác và loại hình di vật, các nhà khảo cổ cho rằng các di tích đá cũ Ba Vì thuộc giai đoạn sớm của văn hoá Sơn Vi, có tuổi khoảng gần 30.000 năm tính đến nay (2; 9).

Vậy là, hơn hai vạn năm trước, người nguyên thủy đã có mặt ở vùng cao, đồi gò Ba Vì, phía tây bắc Hà Nội hiện nay. Một phần là thói quen sinh hoạt và đời sống kinh tế phụ thuộc vào săn bắt, hái lượm. Đất Ba Vì xưa là nơi có nhiều rừng rậm, cạnh nguồn sông lớn, vừa cung cấp nước uống, lại vừa là nguồn cung cấp nguyên liệu đá cuội để chế tác công cụ chặt cây, săn thú, nạo da thú. Sống trong môi trường thiên nhiên thuận lợi, nhưng cũng đầy hiểm họa, để cư trú được trên những đồi gò cao như Đồi Cạn (xã Thái Hoà), Gò Liên(xã Minh Quang), người nguyên thủy thời đá cũ phải có những nơi ở tạm, có thể dựng lên những túp lều đơn giản bằng tre nứa lá, dưới nền lót lá, cây cỏ làm ổ nằm, lấy vỏ cây, da thú, lá khô che thân chống chọi với cái giá lạnh mùa đông. Trong các di tích đá cũ ở Ba Vì, chúng ta chưa tìm thấy dấu vết nơi cư trú kiểu nhà ở sơ khai của người nguyên thủy, song việc xây dựng các lán ở tạm là rất có khả năng. Họ sống thành bầy trên các đồi, gò, sông, suối, sẵn nước và tránh lụt lội. Những lều lán đơn giản bằng tre nứa, gỗ giúp con người có thể tránh mưa hoặc tránh cái rét trong mùa đông lạnh lẽo.

2. Giai đoạn sơ kỳ đá mới -Văn hoá Hoà Bình

Đến thời đại đồ đá mới, với nền văn hoá Hoà Bình, con người đã có mặt ở vùng núi quanh chùa Hương nổi tiếng thuộc xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức.

Đây là vùng sơn thủy, bốn địa xen kẽ, là nơi thắng địa Phật giáo nổi danh ở nước ta rộng gần 3000 ha, nằm phần giữa sông Đáy và các sơn khối đá vôi chạy từ vùng Tây Bắc xuống. Nơi đây có nhiều núi đá vôi và thung lũng, một trong những địa bàn sinh tụ được cư dân thời kỳ đồ đá mới sơ kỳ ưa thích. Tại khu Hương Sơn, Mỹ Đức có các địa điểm như hang Sập Bon phía ngoài chùa Long Vân, hang Luồn ở cạnh chùa Hương Đài, hang Thanh Sơn, hang Chùa Mới. Nổi bật hơn cả là hang Sừng Sằm, còn có tên khác là hang Giặc hay hang Ông Bảy(7; 8).

Hang Sừng Sằm nằm ở vị trí tọa độ $20^{\circ}35'$ vĩ độ Bắc, $105^{\circ}45'$ kinh độ Đông, hang cao hơn 85m so với bề mặt Thung Vượng bên dưới. Cửa hang quay hướng tây nam. Toàn bộ nền hang khá bằng phẳng, vòm cửa hang cao 16m, rộng gần 20m với ngách hang ăn sâu vào trong núi hơn 30m. Các nhà khảo cổ khai quật 5 hố với tổng diện tích hơn $100m^2$. Tầng văn hoá khảo cổ hang Sừng Sằm dày từ 60- 150cm, cơ bản là tầng ốc núi Cyclophorus. Tổng số hiện vật thu được là 2.233 hiện vật đồ đá, đồ xương và đồ gốm, cùng nhiều xương răng người. Trong đó tầng văn hoá trong hang chứa 2179 tiêu bản, chiếm 97,6%, tầng đất trước cửa hang có 54 tiêu bản, chiếm 2,4%.

Bộ sưu tập đá Sừng Sằm thể hiện những đặc trưng của kỹ nghệ Hoà Bình khá điển hình. Công cụ đá hầu hết được chế tác từ đá cuội diabaz, quartzite, bazan và một số loại đá trầm tích khác. Những loại cuội này không sẵn có tại địa phương, mà người Sừng Sằm xưa đã phải lấy từ nơi khác về. Trong kỹ thuật chế tác đá, ngoài những kỹ thuật ghè trực tiếp, ghè hạn chế ở rìa mép viên cuội, đã xuất hiện kỹ thuật ghè xung quanh, hướng tâm công cụ (kỹ thuật Sumatralith) rất điển hình, nhằm tạo ra những công cụ gần bầu dục, hoặc rìu ngắn. Số lượng mảnh tước được gia công, tu chỉnh chiếm tỷ lệ nhỏ. Đáng chú ý là đã phát hiện được 13 chiếc rìu mài hạn chế phần lưỡi “kiểu rìu Bắc Sơn”.

Ngoài di vật đá, đã tìm thấy 117 mảnh gốm thô phần lớn trên bề mặt 2 lớp ốc đầu tiên. Cũng có một số mảnh lọt sâu xuống nền hang nguyên thủy. Hầu hết xương gốm thô, màu xám đen, pha sạn sỏi cát, độ nung thấp. Trong số 117 mảnh gốm có 81 mảnh trang trí văn thừng thô, 11 mảnh văn thừng mịn, 15 mảnh văn khắc vạch và 7 mảnh không hoa văn. Theo nhận xét của nhà khảo cổ Diệp Đình Hoa, người Sừng Sằm xưa đã lấy nguồn đất sét tại chỗ để chế tạo đồ gốm(1).

Đồ xương khá hiếm, có 2 công cụ hình rìu mài, phần lưỡi được gia công từ xương ống thú lớn. Có khoảng 15kg xương răng, sừng động vật đã bị vỡ. Cho đến nay, số xương sừng này vẫn chưa được giám định giống loài.

Đáng chú ý là có 28 mảnh di cốt người, với 21 mảnh sọ và 7 chiếc răng người. Tất cả chưa hoá thạch và chưa được giám định cổ nhân học.

Dựa vào những bằng chứng di tồn vật chất từ trong tầng văn hoá Sùng Sàm cho ta thấy săn bắn và hái lượm là hai ngành kinh tế chủ yếu trong đời sống của cư dân nguyên thuỷ Hương Sơn- Sùng Sàm. Bằng chứng là, tầng vỏ ốc dày đặc trong di chỉ hang chứng tỏ các loại nhuyễn thể chính là nguồn thức ăn thường xuyên, là đối tượng dễ kiếm và quan trọng trong phương thức săn hái của người đá mới Sùng Sàm.

Trong các di tích Sùng Sàm, Sập Bon và Hang Luôn, số lượng xương răng động vật khá lớn. Điều đó chứng tỏ việc săn bắn cũng rất phát triển trong cư dân cụm di tích Hương Sơn. Có rất nhiều xương có vết cháy, chứng tỏ cư dân nguyên thuỷ nướng thịt chín trước khi ăn. Việc săn bắt các loài thú đã cung cấp cho người cổ Hương Sơn nguồn thức ăn đáng kể. Nhưng có thể nó không được thường xuyên và ổn định như việc hái lượm những thức ăn thảo mộc và kiếm tìm ốc, mò cua ở những giáit núi, trên những suối, rạch lớn.

Kết quả phân tích bào tử phấn hoa Sùng Sàm cho thấy, cư dân đương thời chưa biết thuần hoá thực vật.

Với tầng văn hoá dày, hàm chứa phong phú những dấu vết cổ nhân, xương răng động vật và đặc biệt là hàng ngàn công cụ đá, gốm đã minh chứng rằng: Sùng Sàm là một di chỉ- xưởng- mộ táng, có quy mô lớn và lâu dài như vẫn thường thấy ở một vài di chỉ văn hoá Hoà Bình khác như Làng Bon, Làng Đồi v.v...

Hiện đã có 2 niên đại C14 cho mẫu ốc ở Sùng Sàm ở độ sâu 120-140cm.

- Bln-1541 I : 11.365 ± 80 BP

- Bln- 1541 II: 10.770 ± 75 BP (3).

Niên đại này chính là thời kỳ sớm của giai đoạn Holocene, thời kỳ mà mực nước biển dâng lên và lấn sâu dần vào lục địa. Đây cũng là giai đoạn sau văn hoá Sơn Vi, các cư dân quen cư trú trên đồi gò rút về cư trú trong các hang động mà ta đã thấy ở vùng Hương Sơn, huyện Mỹ Đức.

3. Giai đoạn hậu kỳ đá mới

Sau thời văn hoá Hoà Bình, vào khoảng 7.000 đến 5.500 năm trước, đợt biển tiến Flandrian dâng lên đến vị trí cao nhất, đạt tới 4-5 mét so với mực nước biển hiện tại. Lúc bấy giờ, Hà Nội trở thành một vịnh biển: Vịnh Hà Nội. Cho đến nay, chưa tìm thấy dấu tích cư trú của con người trên đất Hà Nội trong khoảng thời gian này.

Sau thời kỳ biển tiến Flandrian, vào khoảng 5.000 năm - 3500 năm tính đến nay, mực nước biển lui dần, một vùng châu thổ màu mỡ được hình thành và chịu chi phối bởi hệ thống sông ngòi dày đặc. Vùng Hà Nội từ môi trường biển nông chuyển dần sang môi trường lục địa.

Trở lại tài liệu khảo cổ học giai đoạn hậu kỳ đá mới ở khu vực phía Bắc Việt Nam cho thấy, một loạt các di tích thời đại đồ đá mới, có niên

đại xấp xỉ 5000-4000 năm, phân bố ở nhiều vùng quanh châu thổ Bắc Bộ. Đó là những di tích thuộc văn hoá Hà Giang, phân bố ở vùng Hà Giang, Cao Bằng, Yên Bái, Tuyên Quang và Thái Nguyên. Là những di tích thuộc văn hoá Mai Pha ở Lạng Sơn. Hoặc những di tích thuộc văn hoá Hạ Long ở vùng biển Đông Bắc, mà ảnh hưởng của nó lan rất sâu trong lục địa, như đã được nhận biết qua di chỉ gò Mả Đống. Ngoài ra, còn phải kể đến những nhóm cư dân hậu kỳ đá mới vùng Tây Bắc, cư trú xung quanh phần rìa phía tây bắc vùng Hà Nội cổ. Nghĩa là, quanh Hà Nội đương thời đã có nhiều nhóm người thuộc thời đại hậu kỳ đá mới sinh sống.

Một câu hỏi đặt ra là, lúc này đã có cư dân nào khai phá vùng Hà Nội vẫn còn ngập sinh lầy và đất phù sa châu thổ? Đã có một thời, nhiều nhà khoa học vẫn đinh ninh cho rằng, cư dân văn hoá Phùng Nguyên thuộc thời đại kim khí là lớp cư dân đầu tiên đã từ vùng trung du Phú Thọ, Vĩnh Phúc tràn xuống, khai phá vùng châu thổ Hà Nội. Vào giai đoạn này, đường bờ biển đã rút khá xa về phía đông. Một vùng châu thổ mới tạo lập với nhiều phù sa các con sông lớn đắp đầy, nhất là hệ thống sông Hồng. Tuy nhiên, để khai phá vùng đất mới này cũng còn gặp nhiều trở ngại vì sinh lầy và ẩm thấp. Chỉ những vùng đất cao, gò thấp mới có thể cư trú được. Chính sự phân bố của các di tích văn hoá Phùng Nguyên ở vùng đất cao Cổ Loa, Văn Điển, Triều Khúc... cho thấy một số vùng cư trú cổ đã được hình thành khá bền vững. Đó là những nhận thức trước đây.

Nhưng, với những phát hiện khảo cổ học mới đây có thể cho phép suy đoán rằng, trước cả cư dân Phùng Nguyên đã có một nhóm cư dân thuộc thời đại hậu kỳ đá mới có mặt, khai phá vùng đất Hà Nội. Nhóm cư dân này sử dụng công cụ đồ đá mài, cụ thể là những cuốc đá thô, có kích thước lớn. Có thể họ thuộc về những nhóm cư dân nông nghiệp dùng cuốc thuộc thời đại hậu kỳ đá mới, đến khai khẩn một vùng đất mới còn nhiều khó khăn cho việc cư trú. Những dấu tích của nhóm cư dân này để lại đậm nét trên vùng đất huyện Thường Tín, Hà Nội.

Đầu năm 2002, tại làng Kiều Thị, xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, Hà Nội, nhân dân địa phương trong quá trình đào ao đã tìm ra một bộ di cốt người ở độ sâu khoảng 1,2m-1,3m. Bộ di cốt được chôn dưới tầng đất, còn nguyên dáng, mặc dù đã mủn nát được đặt trên một loạt những chiếc cuốc đá lót ở phía dưới. Tất cả có 15 chiếc cuốc có vai, trong đó 5 chiếc lưỡi còn rất sắc, 3 chiếc lưỡi hơi mòn, còn 7 chiếc còn lại lưỡi cùn và tù. Các cuốc này đều có kích thước lớn, chiếc lớn nhất có độ dài tới 29,5 cm, chiều ngang vai là 13,5 cm, bản lưỡi rộng nhất 12 cm (12: 119-121).

Theo nhận xét của chúng tôi, những chiếc cuốc này giống nhau và đều không phải là hiện vật của văn hoá Phùng Nguyên thời đại kim khí. Ngoài những chiếc cuốc đá còn tìm thấy 2 chiếc bàn mài rãnh và 4 chiếc bàn mài

lòng chảo. Đáng chú ý là các bàn mài rãnh ở đây đều có đặc điểm gần gũi với bàn mài rãnh, thuộc văn hoá Hạ Long. Bộ sưu tập cuộc đá Kiều Thị rất ít khi gặp trong các di chỉ thời đại kim khí vùng đồng bằng Bắc Bộ. Về cách thức mai táng, ngôi mộ Kiều Thị khá giống những ngôi mộ hậu kỳ đá mới được tìm thấy ở địa điểm Phia Muôn thuộc tỉnh Tuyên Quang với một loạt những viên đá được rải trên và dưới cơ thể người quá cố (11).

Vậy là, với phát hiện Kiều Thị đã cung cấp cho ta những cứ liệu để nhận biết rằng, vào giai đoạn hậu kỳ đá mới, đã có một vài nhóm cư dân khác nhau đến khai phá vùng đất mới châu thổ sông Hồng, trong đó có Hà Nội.

Với những bằng chứng khảo cổ học ở Kiều Thị, Thường Tín, chúng ta có thể hình dung rằng, đứng trước cảnh quan vùng châu thổ mới còn lầy lội, một vài nhóm nhỏ lẻ cư dân hậu kỳ đá mới, từ những vùng cao hơn, men theo những triền sông lớn xuống thăm dò khai phá. Nhưng có lẽ, cảnh quan môi trường Hà Nội lúc đó chưa phải là lý tưởng cho việc lao động sản xuất của cư dân vùng cao. Phải đợi đến giai đoạn đầu của thời đại kim khí, khi mà vùng đất châu thổ tự nhiên này đã dần ổn định, một lớp cư dân mới tràn xuống, lập làng xóm ở Hà Nội. Đó là cư dân văn hoá Phùng Nguyên, cư dân của nông nghiệp trồng lúa nước, đã có trong tay những công cụ tốt hơn đồ đá: Đó là đồ đồng.

4. Giai đoạn Hùng Vương- An Dương Vương

Vào thời đại kim khí, môi trường cảnh quan Hà Nội đi vào thế ổn định. Một vùng đồng bằng màu mỡ được hình thành và chịu chi phối bởi hệ thống sông ngòi dày đặc. Vùng Hà Nội trước đó từ môi trường biên nông đã chuyển hẳn sang môi trường lục địa. Một vùng châu thổ rộng lớn ở Hà Nội là môi trường thuận lợi để phát triển một nghề nông trồng lúa nước, làm nền tảng cho các nền văn hoá thời Tiền Đông Sơn và Đông Sơn phát triển mạnh mẽ.

Tài liệu khảo cổ học cho thấy, vào giai đoạn hậu kỳ đá mới- sơ kỳ kim khí, cư dân cổ từ miền trung du kéo về khai hoang cư trú vùng Hà Nội. Buổi đầu, họ đã chọn vùng đồng bằng cao của Hà Nội, sáng tạo nên các văn hoá Tiền Đông Sơn, là cơ sở vật chất của thời Tiền Hùng Vương ở Hà Nội. Chỉ đến khi với nhiều sự phát triển đột biến trong sản xuất, kinh tế, cũng như trong phân hoá xã hội thì lịch sử Hà Nội bước sang trang mới: Từ các nền văn hoá Tiền Đông Sơn sang Đông Sơn và kèm theo đó là thời Tiền Hùng Vương sang thời Hùng Vương ở niên điểm thế kỷ 7 trước Công nguyên.

Cho đến nay, trên khu vực đất Hà Nội các nhà khảo cổ đã phát hiện được 35 địa điểm khảo cổ học thuộc giai đoạn tiền Đông Sơn, hay còn gọi là Tiền Hùng Vương. Hầu hết đều phân bố trên những khu vực đồng bằng cao ráo hoặc ít ra không bị trũng, sinh lầy, điển hình là các di tích tìm thấy ở các huyện Ba Vì, Đan Phượng, Đông Anh, Hoài Đức, Gia Lâm, Mê Linh, Quốc Oai, Thanh Trì và Từ Liêm.

Bước sang giai đoạn văn hoá Đông Sơn hay là thời kỳ Hùng Vương- An Dương Vương đã phát hiện được 87 địa điểm, phân bố hầu hết các huyện ngoại thành hiện nay của Hà Nội như Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Hoài Đức, Đông Anh, Mỹ Đức, Quốc Oai, Phú Xuyên, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì, Thường Tín, Từ Liêm, Ứng Hoà. Trong đó, huyện Đông Anh có nhiều địa điểm cư trú nhất: 14 địa điểm. Cá biệt có địa điểm Đình Tràng thuộc xã Dục Tú có tầng văn hoá dày, chứa những bằng chứng của việc tụ cư liên tục vài nghìn năm, trải qua văn hoá Phùng Nguyên- Đông Đậu- Gò Mun- Đông Sơn. Riêng khu vực xã Cổ Loa, có 11 điểm cư trú của cư dân thời kỳ này. Các nhà nghiên cứu cho rằng, Cổ Loa- Đông Anh là một khu vực có mật độ các điểm cư trú lớn, khá dày đặc. Điều này chứng tỏ đây là một trung tâm lớn về kinh tế, xã hội và có liên quan đến An Dương Vương và thành Cổ Loa, nước Âu Lạc (5).

Như vậy, Hà Nội là địa phương có mật độ di tích cư trú hay các làng cổ thuộc loại đậm đặc nhất trong thời Hùng Vương- An Dương Vương. Nhờ ở vị trí địa lợi, Hà Nội nằm ở trung tâm của châu thổ sông Hồng màu mỡ, nên cũng là vùng đất trọng yếu và đầy hấp lực, thu hút cư dân ở các miền về khai phá. Sự phân bố dày đặc các làng cổ, kéo theo là sự bùng nổ dân số đã tạo ra bộ mặt kinh tế xã hội phát triển vượt bậc so với các giai đoạn trước. Nghiên cứu văn hoá vật chất Hà Nội thời kỳ này cho thấy, đã có sự liên kết văn hoá nhiều vùng: miền núi, miền xuôi, miền biển...tạo ra một sự “thống nhất trong đa dạng” của một kết cấu kinh tế, cũng như kết cấu một nhà nước thống nhất, tuy còn sơ khai. Điều này thể hiện rõ qua bộ di vật của cư dân Hà Nội đương thời.

Nhìn chung, những di vật được phát quật từ các địa điểm khảo cổ học Hà Nội đều mang các nét chung giống với nhiều di vật văn hoá Đông Sơn ở nhiều vùng khác. Trong số này nổi bật là loại trống đồng. Với tư liệu hiện có, Hà Nội đã có 32 chiếc trống đồng Đông Sơn được phát hiện trong lòng đất. Con số này tôn vinh Hà Nội trở thành địa phương có số lượng trống Đông Sơn tìm thấy trong lòng đất nhiều nhất cả nước (13). Hơn thế nữa, việc tìm thấy các lò đúc đồng tại di chỉ Đền Thượng, Cổ Loa, hay ở Đình Tràng(huyện Đông Anh) cho thấy có nhiều khả năng, cư dân cổ Hà Nội còn đúc trống tại chỗ, chứ không phải mang từ nơi khác đến. Điều này cho thấy Hà Nội có một nền văn hoá trống đồng tồn tại từ thời Hùng Vương – An Dương Vương cho đến mãi về sau. Ngoài ra, các bộ đồ dùng, công cụ, vũ khí thời Hùng Vương- An Dương Vương Hà Nội đã khá thống nhất với các vùng miền khác trong một địa vực miền Bắc nước ta. Sự thống nhất cơ bản về di vật cũng là một điểm để nói lên có sự giao lưu, gắn kết giữa các vùng trong thời Hùng Vương- An Dương Vương, từ đó có sự thống nhất về mặt thượng tầng kiến trúc, thống nhất trong một hình thức nhà nước sơ khai.

Trong các di tích khảo cổ thuộc thời kỳ này ở Hà Nội, thì di tích thành Cổ Loa được xem như là dấu tích của Kinh đô Âu Lạc. Những cuộc khai quật khảo cổ học liên tiếp trong những năm gần đây ở khu vực Cổ Loa cho thấy, nơi đây trong thời Hùng Vương- An Dương Vương đã là một khu vực sầm uất, đông dân, suốt từ vài nghìn năm trước. Vì thế, việc chọn khu vực Cổ Loa làm Kinh đô của một dạng Nhà nước sơ khai là Âu Lạc cũng là điều dễ hiểu. Trong bối cảnh đó, thành Cổ Loa ra đời trên nền tảng chủ yếu của các làng cổ nơi đây. Dấu tích Kinh đô Âu Lạc được khảo cổ học chứng minh qua 3 vòng thành, cùng dấu tích của các làng cổ và các di vật chứa trong phạm vi trong và cả ngoài thành. Đặc biệt những chiếc trống đồng to đẹp, biểu tượng quyền lực thủ lĩnh cũng từng được phát hiện bên trong và bên ngoài toà thành Cổ Loa (4).

Kể từ đó đến nay, dấu trải qua nhiều bước thăng trầm của lịch sử, Hà Nội luôn mang vóc dáng của vùng đất Kinh đô.

Thật hiếm nơi nào trên trái đất như Hà Nội- Thủ đô của một Quốc gia có bề dày văn hoá hàng vạn năm lịch sử, và 1000 năm văn hiến. Chúng ta tự hào vì có một Thủ đô Hà Nội như vậy.

Tài liệu tham khảo

1. Diệp Đình Hoa (1978), *Thành phần hoá học của đồ gốm cổ ở một số địa điểm thuộc thời đại đá mới Việt Nam*. Trong Những phát hiện mới Khảo cổ học, tr.124- 125.
2. Hà Văn Tấn, Nguyễn Khắc Sửu, Trình Năng Chung (1999), *Văn hoá Sơn Vi*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hoàng Xuân Chinh (chủ biên) (1989), *Văn hoá Hoà Bình ở Việt Nam*. Viện Khảo cổ học. Hà Nội.
4. Lại Văn Tới (2010), *Kinh đô Cổ Loa trong lịch sử*. Tạp chí Khảo cổ học, số 3.
5. Lê Kim Tước, Trình Sinh (2010), *Di tích văn hoá Đông Sơn và quá trình chinh phục vùng đồng bằng trung ở Hà Nội*. Tạp chí Khảo cổ học, số 3.
6. Nguyễn Chiểu, Trình Năng Chung, Nguyễn Thị Đơn (1982), *Những di tích văn hoá Sơn Vi ở Ba Vì (Hà Nội)*. Trong Những phát hiện mới Khảo cổ học, tr. 19-20.
7. Phạm Đức Mạnh (1975), *Cụm di chỉ đồ đá hang động Hương Sơn*. Luận văn tốt nghiệp Khoa Sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
8. Trần Quốc Vượng (1975), *Đi chùa Hương khảo cổ*. Trong Những phát hiện mới Khảo cổ học, tr. 96-103.
9. Trần Quốc Vượng, Nguyễn Chiểu, Trình Năng Chung (1998), *Di tích Sơn Vi ở Hà Tây và Bắc Giang*. Trong Tìm hiểu văn hoá Sơn Vi. Sở văn hoá Thông tin và Thể thao Phú Thọ xuất bản, tr.108-111.
10. Trình Năng Chung (1975), *Đồ đá cuội Hà Tây và Hà Bắc*. Luận văn tốt nghiệp Khoa Sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
11. Trình Năng Chung (chủ biên) (2009) *Tiền sử và sơ sử Tuyên Quang*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Trịnh Dương, Đặng Văn Hùng (2002), *Bộ cuộc đá có kích thước lớn ở Thường Tín- Hà Tây*. Trong Những phát hiện mới Khảo cổ học, tr.119- 121.
13. Trịnh Sinh, Vũ Thuý Hạnh (2010), *Vài nhận xét về những chiếc trống đồng Đông Sơn ở Hà Nội*. Tạp chí Khảo cổ học, số 3.